

県内処理加工施設で加工されるイノシシ肉の放射性物質検査結果（令和4年度）

NO	個体番号	報告自治体	産地		検査機関	検査法	採取日（購入日）	結果判明日	結果（Bq/kg）		
			市町村	大字					Cs-134	Cs-137	Cs合計
1	館ジ-04-01	館山市	館山市	浜田	館山市	NaI	R4. 4. 3	R4. 4. 4	-	-	<20
2	TWF-04-001	館山市	南房総市	南朝夷	館山市	NaI	R4. 4. 3	R4. 4. 4	-	-	<20
3	TGC-03-105	館山市	館山市	茂名	館山市	NaI	R4. 3. 16	R4. 4. 6	-	-	<20
4	TGC-03-106	館山市	館山市	東長田	館山市	NaI	R4. 3. 17	R4. 4. 6	-	-	<20
5	TGC-03-107	館山市	館山市	大井	館山市	NaI	R4. 3. 18	R4. 4. 6	-	-	<20
6	TGC-03-108	館山市	館山市	早物	館山市	NaI	R4. 3. 18	R4. 4. 6	-	-	<20
7	TGC-03-109	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R4. 3. 23	R4. 4. 6	-	-	<20
8	TGC-03-110	館山市	館山市	早物	館山市	NaI	R4. 3. 24	R4. 4. 6	-	-	<20
9	TGC-03-111	館山市	館山市	小原	館山市	NaI	R4. 3. 24	R4. 4. 6	-	-	<20
10	TGC-03-112	館山市	館山市	畑	館山市	NaI	R4. 3. 24	R4. 4. 6	-	-	<20
11	TGC-03-113	館山市	館山市	畑	館山市	NaI	R4. 3. 28	R4. 4. 6	-	-	<20
12	TGC-03-114	館山市	館山市	佐野	館山市	NaI	R4. 3. 28	R4. 4. 13	-	-	<20
13	TGC-03-115	館山市	館山市	大井	館山市	NaI	R4. 3. 29	R4. 4. 13	-	-	<20
14	TGC-03-116	館山市	館山市	稲	館山市	NaI	R4. 3. 30	R4. 4. 13	-	-	<20
15	TGC-03-117	館山市	館山市	出野尾	館山市	NaI	R4. 3. 30	R4. 4. 13	-	-	<20
16	TGC-03-118	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R4. 3. 30	R4. 4. 13	-	-	<20
17	TGC-04-001	館山市	館山市	大井	館山市	NaI	R4. 4. 1	R4. 4. 13	-	-	<20
18	TGC-04-002	館山市	館山市	笠名	館山市	NaI	R4. 4. 1	R4. 4. 13	-	-	<20
19	TGC-04-003	館山市	館山市	小原	館山市	NaI	R4. 4. 1	R4. 4. 13	-	-	<20
20	TWF-04-002	館山市	南房総市	大貫	館山市	NaI	R4. 4. 8	R4. 4. 13	-	-	<20
21	TGC-04-004	館山市	館山市	藤原	館山市	NaI	R4. 4. 11	R4. 4. 20	-	-	<20
22	TGC-04-005	館山市	館山市	竜岡	館山市	NaI	R4. 4. 12	R4. 4. 20	-	-	<20
23	TGC-04-006	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R4. 4. 16	R4. 4. 20	-	-	<20

24	TGC-04-007	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R4. 4. 16	R4. 4. 20	-	-	<20
25	TWF-04-003	館山市	南房総市	川戸	館山市	NaI	R4. 4. 14	R4. 4. 20	-	-	<20
26	TGC-04-008	館山市	館山市	宮城	館山市	NaI	R4. 4. 18	R4. 4. 27	-	-	<20
27	TGC-04-009	館山市	館山市	笠名	館山市	NaI	R4. 4. 19	R4. 4. 27	-	-	<20
28	TGC-04-010	館山市	館山市	東長田	館山市	NaI	R4. 4. 20	R4. 4. 27	-	-	<20
29	TGC-04-011	館山市	館山市	水岡	館山市	NaI	R4. 4. 21	R4. 4. 27	-	-	<20
30	TGC-04-012	館山市	館山市	水岡	館山市	NaI	R4. 4. 21	R4. 4. 27	-	-	<20
31	TGC-04-013	館山市	館山市	大賀	館山市	NaI	R4. 4. 22	R4. 5. 2	-	-	<20
32	TGC-04-014	館山市	館山市	宮城	館山市	NaI	R4. 4. 23	R4. 5. 2	-	-	<20
33	TGC-04-015	館山市	館山市	宮城	館山市	NaI	R4. 4. 23	R4. 5. 2	-	-	<20
34	TGC-04-016	館山市	館山市	上真倉	館山市	NaI	R4. 4. 26	R4. 5. 2	-	-	<20
35	TGC-04-017	館山市	館山市	大井	館山市	NaI	R4. 4. 27	R4. 5. 2	-	-	<20
36	館ジ-04-02	館山市	館山市	西川名	館山市	NaI	R4. 5. 2	R4. 5. 6	-	-	<20
37	TGC-04-018	館山市	館山市	大井	館山市	NaI	R4. 4. 27	R4. 5. 11	-	-	<20
38	TGC-04-019	館山市	館山市	大賀	館山市	NaI	R4. 4. 30	R4. 5. 11	-	-	<20
39	TGC-04-020	館山市	館山市	大賀	館山市	NaI	R4. 4. 30	R4. 5. 11	-	-	<20
40	TGC-04-021	館山市	館山市	犬石	館山市	NaI	R4. 4. 30	R4. 5. 11	-	-	<20
41	TGC-04-022	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R4. 5. 2	R4. 5. 11	-	-	<20
42	TGC-04-023	館山市	館山市	佐野	館山市	NaI	R4. 5. 2	R4. 5. 11	-	-	<20
43	館ジ-04-03	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R4. 5. 14	R4. 5. 16	-	-	<20
44	館ジ-04-04	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R4. 5. 14	R4. 5. 16	-	-	<20
45	館ジ-04-05	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R4. 5. 15	R4. 5. 16	-	-	<20
46	TGC-04-024	館山市	館山市	藤原	館山市	NaI	R4. 5. 5	R4. 5. 18	-	-	<20
47	TGC-04-025	館山市	館山市	西長田	館山市	NaI	R4. 5. 6	R4. 5. 18	-	-	<20
48	TGC-04-026	館山市	館山市	竹原	館山市	NaI	R4. 5. 6	R4. 5. 18	-	-	<20
49	TGC-04-027	館山市	館山市	洲宮	館山市	NaI	R4. 5. 7	R4. 5. 18	-	-	<20

50	TGC-04-028	館山市	館山市	竜岡	館山市	NaI	R4. 5. 10	R4. 5. 18	-	-	<20
51	TGC-04-029	館山市	館山市	竜岡	館山市	NaI	R4. 5. 10	R4. 5. 25	-	-	<20
52	TGC-04-030	館山市	館山市	正木	館山市	NaI	R4. 5. 12	R4. 5. 25	-	-	<20
53	TGC-04-031	館山市	館山市	浜田	館山市	NaI	R4. 5. 16	R4. 5. 25	-	-	<20
54	TGC-04-032	館山市	館山市	笠名	館山市	NaI	R4. 5. 18	R4. 5. 25	-	-	<20
55	TGC-04-033	館山市	館山市	宝貝	館山市	NaI	R4. 5. 18	R4. 5. 25	-	-	<20
56	TGC-04-034	館山市	館山市	竜岡	館山市	NaI	R4. 5. 19	R4. 6. 1	-	-	<20
57	TGC-04-035	館山市	館山市	上真倉	館山市	NaI	R4. 5. 19	R4. 6. 1	-	-	<20
58	TGC-04-036	館山市	館山市	上真倉	館山市	NaI	R4. 5. 20	R4. 6. 1	-	-	<20
59	TGC-04-037	館山市	館山市	竜岡	館山市	NaI	R4. 5. 20	R4. 6. 1	-	-	<20
60	TGC-04-038	館山市	館山市	古茂口	館山市	NaI	R4. 5. 20	R4. 6. 1	-	-	<20
61	TGC-04-039	館山市	館山市	坂井	館山市	NaI	R4. 5. 21	R4. 6. 1	-	-	<20
62	TGC-04-040	館山市	館山市	宝貝	館山市	NaI	R4. 5. 23	R4. 6. 8	-	-	<20
63	TGC-04-041	館山市	館山市	出野尾	館山市	NaI	R4. 5. 25	R4. 6. 8	-	-	<20
64	TGC-04-042	館山市	館山市	西川名	館山市	NaI	R4. 5. 26	R4. 6. 8	-	-	<20
65	TWF-04-004	館山市	南房総市	白間津	館山市	NaI	R4. 6. 7	R4. 6. 13	-	-	<20
66	TWF-04-005	館山市	南房総市	川戸	館山市	NaI	R4. 6. 7	R4. 6. 13	-	-	<20
67	TWF-04-006	館山市	南房総市	大貫	館山市	NaI	R4. 6. 8	R4. 6. 13	-	-	<20
68	TGC-04-043	館山市	館山市	竹原	館山市	NaI	R4. 5. 26	R4. 6. 15	-	-	<20
69	TGC-04-044	館山市	館山市	西川名	館山市	NaI	R4. 5. 28	R4. 6. 15	-	-	<20
70	TGC-04-045	館山市	館山市	宝貝	館山市	NaI	R4. 5. 30	R4. 6. 15	-	-	<20
71	TGC-04-046	館山市	館山市	伊戸	館山市	NaI	R4. 5. 30	R4. 6. 15	-	-	<20
72	TGC-04-047	館山市	館山市	藤原	館山市	NaI	R4. 5. 30	R4. 6. 15	-	-	<20
73	TGC-04-048	館山市	館山市	宝貝	館山市	NaI	R4. 5. 30	R4. 6. 15	-	-	<20
74	TGC-04-049	館山市	館山市	大神宮	館山市	NaI	R4. 5. 31	R4. 6. 15	-	-	<20
75	TGC-04-050	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R4. 6. 2	R4. 6. 15	-	-	<20

76	TGC-04-051	館山市	館山市	正木	館山市	NaI	R4. 6. 2	R4. 6. 15	-	-	<20
77	TGC-04-052	館山市	館山市	佐野	館山市	NaI	R4. 6. 7	R4. 6. 15	-	-	<20
78	TGC-04-053	館山市	館山市	西川名	館山市	NaI	R4. 6. 7	R4. 6. 15	-	-	<20
79	TGC-04-054	館山市	館山市	上真倉	館山市	NaI	R4. 6. 13	R4. 6. 22	-	-	<20
80	TGC-04-055	館山市	館山市	坂井	館山市	NaI	R4. 6. 13	R4. 6. 22	-	-	<20
81	TGC-04-056	館山市	館山市	小原	館山市	NaI	R4. 6. 14	R4. 6. 22	-	-	<20
82	TGC-04-057	館山市	館山市	安東	館山市	NaI	R4. 6. 16	R4. 6. 28	-	-	<20
83	TGC-04-058	館山市	館山市	笠名	館山市	NaI	R4. 6. 21	R4. 6. 28	-	-	<20
84	TGC-04-059	館山市	館山市	山本	館山市	NaI	R4. 6. 22	R4. 6. 28	-	-	<20
85	TGC-04-060	館山市	館山市	山萩	館山市	NaI	R4. 6. 22	R4. 6. 28	-	-	<20
86	TGC-04-061	館山市	館山市	西川名	館山市	NaI	R4. 6. 23	R4. 6. 28	-	-	<20
87	TGC-04-062	館山市	館山市	布沼	館山市	NaI	R4. 6. 23	R4. 6. 28	-	-	<20
88	TGC-04-063	館山市	館山市	笠名	館山市	NaI	R4. 6. 24	R4. 6. 28	-	-	<20
89	TWF-04-007	館山市	南房総市	大貫	館山市	NaI	R4. 6. 26	R4. 6. 30	-	-	<20
90	TGC-04-064	館山市	館山市	藤原	館山市	NaI	R4. 6. 27	R4. 7. 5	-	-	<20
91	TGC-04-065	館山市	館山市	古茂口	館山市	NaI	R4. 6. 27	R4. 7. 5	-	-	<20
92	TGC-04-066	館山市	館山市	山本	館山市	NaI	R4. 6. 28	R4. 7. 5	-	-	<20
93	TGC-04-067	館山市	館山市	坂井	館山市	NaI	R4. 7. 5	R4. 7. 13	-	-	<20
94	TGC-04-068	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R4. 7. 6	R4. 7. 13	-	-	<20
95	TGC-04-069	館山市	館山市	坂田	館山市	NaI	R4. 7. 6	R4. 7. 13	-	-	<20
96	TGC-04-070	館山市	館山市	東長田	館山市	NaI	R4. 7. 7	R4. 7. 13	-	-	<20
97	TGC-04-071	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R4. 7. 8	R4. 7. 13	-	-	<20
98	TGC-04-072	館山市	館山市	畑	館山市	NaI	R4. 7. 9	R4. 7. 19	-	-	<20
99	TGC-04-073	館山市	館山市	洲崎	館山市	NaI	R4. 7. 11	R4. 7. 19	-	-	<20
100	TGC-04-074	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R4. 7. 12	R4. 7. 19	-	-	<20
101	館ジ-04-06	館山市	館山市	伊戸	館山市	NaI	R4. 7. 25	R4. 7. 25	-	-	<20

102	TGC-04-075	館山市	館山市	亀ヶ原	館山市	NaI	R4. 7. 13	R4. 7. 26	-	-	<20
103	TGC-04-076	館山市	館山市	茂名	館山市	NaI	R4. 7. 13	R4. 7. 26	-	-	<20
104	TGC-04-077	館山市	館山市	東長田	館山市	NaI	R4. 7. 19	R4. 7. 26	-	-	<20
105	TGC-04-078	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R4. 7. 21	R4. 7. 26	-	-	<20
106	館シ-04-07	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R4. 7. 27	R4. 7. 27	-	-	<20
107	TGC-04-079	館山市	館山市	茂名	館山市	NaI	R4. 7. 22	R4. 8. 3	-	-	<20
108	TGC-04-080	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R4. 7. 25	R4. 8. 3	-	-	<20
109	TGC-04-081	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R4. 7. 25	R4. 8. 3	-	-	<20
110	TGC-04-082	館山市	館山市	山萩	館山市	NaI	R4. 7. 25	R4. 8. 3	-	-	<20
111	TGC-04-083	館山市	館山市	山萩	館山市	NaI	R4. 7. 25	R4. 8. 3	-	-	<20
112	TWF-04-008	館山市	南房総市	大貫	館山市	NaI	R4. 7. 27	R4. 8. 4	-	-	<20
113	館シ-04-08	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R4. 8. 7	R4. 8. 8	-	-	<20
114	TGC-04-084	館山市	館山市	佐野	館山市	NaI	R4. 7. 26	R4. 8. 10	-	-	<20
115	TGC-04-085	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R4. 7. 26	R4. 8. 10	-	-	<20
116	TGC-04-086	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R4. 7. 27	R4. 8. 10	-	-	<20
117	TGC-04-087	館山市	館山市	竜岡	館山市	NaI	R4. 7. 29	R4. 8. 10	-	-	<20
118	TGC-04-088	館山市	館山市	山萩	館山市	NaI	R4. 7. 29	R4. 8. 10	-	-	<20
119	TWF-04-009	館山市	南房総市	大貫	館山市	NaI	R4. 8. 8	R4. 8. 15	-	-	<20
120	TGC-04-089	館山市	館山市	犬石	館山市	NaI	R4. 8. 1	R4. 8. 17	-	-	<20
121	TGC-04-090	館山市	館山市	山本	館山市	NaI	R4. 8. 2	R4. 8. 17	-	-	<20
122	TGC-04-091	館山市	館山市	山萩	館山市	NaI	R4. 8. 2	R4. 8. 17	-	-	<20
123	TGC-04-092	館山市	館山市	竹原	館山市	NaI	R4. 8. 4	R4. 8. 17	-	-	<20
124	TGC-04-093	館山市	館山市	作名	館山市	NaI	R4. 8. 4	R4. 8. 17	-	-	<20
125	TGC-04-094	館山市	館山市	笠名	館山市	NaI	R4. 8. 4	R4. 8. 17	-	-	<20
126	TGC-04-095	館山市	館山市	東長田	館山市	NaI	R4. 8. 5	R4. 8. 17	-	-	<20
127	TGC-04-096	館山市	館山市	笠名	館山市	NaI	R4. 8. 5	R4. 8. 17	-	-	<20

128	TGC-04-097	館山市	館山市	作名	館山市	NaI	R4. 8. 5	R4. 8. 17	-	-	<20
129	TGC-04-098	館山市	館山市	亀ヶ原	館山市	NaI	R4. 8. 6	R4. 8. 17	-	-	<20
130	TGC-04-099	館山市	館山市	笠名	館山市	NaI	R4. 8. 8	R4. 8. 24	-	-	<20
131	TGC-04-100	館山市	館山市	布沼	館山市	NaI	R4. 8. 10	R4. 8. 24	-	-	<20
132	TGC-04-101	館山市	館山市	坂田	館山市	NaI	R4. 8. 10	R4. 8. 24	-	-	<20
133	TGC-04-102	館山市	館山市	大井	館山市	NaI	R4. 8. 10	R4. 8. 24	-	-	<20
134	TGC-04-103	館山市	館山市	宝貝	館山市	NaI	R4. 8. 10	R4. 8. 24	-	-	<20
135	TGC-04-104	館山市	館山市	作名	館山市	NaI	R4. 8. 10	R4. 8. 24	-	-	<20
136	TGC-04-105	館山市	館山市	布沼	館山市	NaI	R4. 8. 11	R4. 8. 24	-	-	<20
137	TGC-04-106	館山市	館山市	沼	館山市	NaI	R4. 8. 11	R4. 8. 24	-	-	<20
138	TGC-04-107	館山市	館山市	藤原	館山市	NaI	R4. 8. 12	R4. 8. 24	-	-	<20
139	TGC-04-108	館山市	館山市	東長田	館山市	NaI	R4. 8. 13	R4. 8. 24	-	-	<20
140	TGC-04-109	館山市	館山市	坂井	館山市	NaI	R4. 8. 16	R4. 8. 31	-	-	<20
141	TGC-04-110	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R4. 8. 16	R4. 8. 31	-	-	<20
142	TGC-04-111	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R4. 8. 16	R4. 8. 31	-	-	<20
143	館ジ-04-09	館山市	南房総市	丹生	館山市	NaI	R4. 8. 30	R4. 8. 31	-	-	<20
144	TGC-04-112	館山市	館山市	茂名	館山市	NaI	R4. 8. 17	R4. 9. 7	-	-	<20
145	TGC-04-113	館山市	館山市	宝貝	館山市	NaI	R4. 8. 18	R4. 9. 7	-	-	<20
146	TGC-04-114	館山市	館山市	布沼	館山市	NaI	R4. 8. 19	R4. 9. 7	-	-	<20
147	TGC-04-115	館山市	館山市	古茂口	館山市	NaI	R4. 8. 22	R4. 9. 7	-	-	<20
148	TGC-04-116	館山市	館山市	出野尾	館山市	NaI	R4. 8. 22	R4. 9. 7	-	-	<20
149	TGC-04-117	館山市	館山市	茂名	館山市	NaI	R4. 8. 23	R4. 9. 7	-	-	<20
150	TGC-04-118	館山市	館山市	布沼	館山市	NaI	R4. 8. 24	R4. 9. 7	-	-	<20
151	TGC-04-119	館山市	館山市	上真倉	館山市	NaI	R4. 8. 24	R4. 9. 7	-	-	<20
152	TGC-04-120	館山市	館山市	水岡	館山市	NaI	R4. 8. 25	R4. 9. 7	-	-	<20
153	TGC-04-121	館山市	館山市	上真倉	館山市	NaI	R4. 8. 25	R4. 9. 13	-	-	<20

154	TGC-04-122	館山市	館山市	上真倉	館山市	NaI	R4. 8. 26	R4. 9. 13	-	-	<20
155	TGC-04-123	館山市	館山市	出野尾	館山市	NaI	R4. 8. 26	R4. 9. 13	-	-	<20
156	TGC-04-124	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R4. 8. 26	R4. 9. 13	-	-	<20
157	TGC-04-125	館山市	館山市	岡田	館山市	NaI	R4. 8. 27	R4. 9. 13	-	-	<20
158	TGC-04-126	館山市	館山市	藤原	館山市	NaI	R4. 8. 29	R4. 9. 13	-	-	<20
159	TGC-04-127	館山市	館山市	見物	館山市	NaI	R4. 8. 30	R4. 9. 20	-	-	<20
160	TGC-04-128	館山市	館山市	稲	館山市	NaI	R4. 8. 30	R4. 9. 20	-	-	<20
161	TGC-04-129	館山市	館山市	大井	館山市	NaI	R4. 8. 30	R4. 9. 20	-	-	<20
162	TGC-04-130	館山市	館山市	出野尾	館山市	NaI	R4. 9. 5	R4. 9. 20	-	-	<20
163	TGC-04-131	館山市	館山市	大神宮	館山市	NaI	R4. 9. 6	R4. 9. 20	-	-	<20
164	TGC-04-132	館山市	館山市	布沼	館山市	NaI	R4. 9. 9	R4. 9. 20	-	-	<20
165	TGC-04-133	館山市	館山市	藤原	館山市	NaI	R4. 9. 10	R4. 9. 20	-	-	<20
166	TGC-04-134	館山市	館山市	西川名	館山市	NaI	R4. 9. 12	R4. 9. 27	-	-	<20
167	TGC-04-135	館山市	館山市	見物	館山市	NaI	R4. 9. 12	R4. 9. 27	-	-	<20
168	TGC-04-136	館山市	館山市	出野尾	館山市	NaI	R4. 9. 12	R4. 9. 27	-	-	<20
169	館ジ-04-10	館山市	館山市	洲崎	館山市	NaI	R4. 9. 29	R4. 9. 29	-	-	<20
170	TGC-04-137	館山市	館山市	坂井	館山市	NaI	R4. 9. 12	R4. 10. 4	-	-	<20
171	TGC-04-138	館山市	館山市	古茂口	館山市	NaI	R4. 9. 14	R4. 10. 4	-	-	<20
172	TGC-04-139	館山市	館山市	笠名	館山市	NaI	R4. 9. 16	R4. 10. 4	-	-	<20
173	TGC-04-140	館山市	館山市	出野尾	館山市	NaI	R4. 9. 16	R4. 10. 4	-	-	<20
174	TGC-04-141	館山市	館山市	大井	館山市	NaI	R4. 9. 16	R4. 10. 4	-	-	<20
175	TGC-04-142	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R4. 9. 19	R4. 10. 4	-	-	<20
176	TGC-04-143	館山市	館山市	大井	館山市	NaI	R4. 9. 19	R4. 10. 4	-	-	<20
177	TGC-04-144	館山市	館山市	小沼	館山市	NaI	R4. 9. 20	R4. 10. 4	-	-	<20
178	TGC-04-145	館山市	館山市	大井	館山市	NaI	R4. 9. 21	R4. 10. 4	-	-	<20
179	TGC-04-146	館山市	館山市	洲崎	館山市	NaI	R4. 9. 22	R4. 10. 4	-	-	<20

180	TGC-04-147	館山市	館山市	東長田	館山市	NaI	R4. 9. 22	R4. 10. 4	-	-	<20
181	TGC-04-148	館山市	館山市	上真倉	館山市	NaI	R4. 9. 22	R4. 10. 4	-	-	<20
182	TGC-04-149	館山市	館山市	伊戸	館山市	NaI	R4. 9. 24	R4. 10. 12	-	-	<20
183	TGC-04-150	館山市	館山市	出野尾	館山市	NaI	R4. 9. 24	R4. 10. 12	-	-	<20
184	TGC-04-151	館山市	館山市	藤原	館山市	NaI	R4. 9. 26	R4. 10. 12	-	-	<20
185	TGC-04-152	館山市	館山市	古茂口	館山市	NaI	R4. 9. 26	R4. 10. 12	-	-	<20
186	TGC-04-153	館山市	館山市	香	館山市	NaI	R4. 9. 26	R4. 10. 12	-	-	<20
187	TGC-04-154	館山市	館山市	笠名	館山市	NaI	R4. 9. 26	R4. 10. 12	-	-	<20
188	TGC-04-155	館山市	館山市	上真倉	館山市	NaI	R4. 9. 26	R4. 10. 12	-	-	<20
189	TGC-04-156	館山市	館山市	山萩	館山市	NaI	R4. 9. 26	R4. 10. 12	-	-	<20
190	TGC-04-157	館山市	館山市	藤原	館山市	NaI	R4. 9. 27	R4. 10. 12	-	-	<20
191	TGC-04-158	館山市	館山市	宮城	館山市	NaI	R4. 9. 28	R4. 10. 12	-	-	<20
192	TWF-04-010	館山市	南房総市	白間津	館山市	NaI	R4. 10. 10	R4. 10. 18	-	-	<20
193	TGC-04-159	館山市	館山市	布沼	館山市	NaI	R4. 9. 29	R4. 10. 19	-	-	<20
194	TGC-04-160	館山市	館山市	笠名	館山市	NaI	R4. 9. 30	R4. 10. 19	-	-	<20
195	TGC-04-161	館山市	館山市	西川名	館山市	NaI	R4. 10. 1	R4. 10. 19	-	-	<20
196	TGC-04-162	館山市	館山市	古茂口	館山市	NaI	R4. 10. 3	R4. 10. 19	-	-	<20
197	TGC-04-163	館山市	館山市	西川名	館山市	NaI	R4. 10. 4	R4. 10. 19	-	-	<20
198	TGC-04-164	館山市	館山市	大井	館山市	NaI	R4. 10. 4	R4. 10. 19	-	-	<20
199	TGC-04-165	館山市	館山市	山萩	館山市	NaI	R4. 10. 6	R4. 10. 19	-	-	<20
200	館ジ-04-11	館山市	館山市	塩見	館山市	NaI	R4. 10. 21	R4. 10. 24	-	-	<20
201	館ジ-04-12	館山市	南房総市	白浜	館山市	NaI	R4. 10. 23	R4. 10. 24	-	-	<20
202	TGC-04-166	館山市	館山市	布沼	館山市	NaI	R4. 10. 7	R4. 10. 26	-	-	<20
203	TGC-04-167	館山市	館山市	笠名	館山市	NaI	R4. 10. 10	R4. 10. 26	-	-	<20
204	TGC-04-168	館山市	館山市	南条	館山市	NaI	R4. 10. 10	R4. 10. 26	-	-	<20
205	TGC-04-169	館山市	館山市	東長田	館山市	NaI	R4. 10. 13	R4. 10. 26	-	-	<20

206	TGC-04-170	館山市	館山市	山萩	館山市	NaI	R4. 10. 13	R4. 10. 26	-	-	<20
207	TGC-04-171	館山市	館山市	大神宮	館山市	NaI	R4. 10. 14	R4. 11. 1	-	-	<20
208	TGC-04-172	館山市	館山市	笠名	館山市	NaI	R4. 10. 17	R4. 11. 1	-	-	<20
209	TGC-04-173	館山市	館山市	犬石	館山市	NaI	R4. 10. 17	R4. 11. 1	-	-	<20
210	TGC-04-174	館山市	館山市	竜岡	館山市	NaI	R4. 10. 19	R4. 11. 1	-	-	<20
211	TGC-04-175	館山市	館山市	上真倉	館山市	NaI	R4. 10. 19	R4. 11. 1	-	-	<20
212	TGC-04-176	館山市	館山市	西川名	館山市	NaI	R4. 10. 21	R4. 11. 1	-	-	<20
213	館ジ-04-13	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R4. 11. 5	R4. 11. 7	-	-	<20
214	館ジ-04-14	館山市	館山市	小沼	館山市	NaI	R4. 11. 5	R4. 11. 7	-	-	<20
215	TGC-04-177	館山市	館山市	佐野	館山市	NaI	R4. 10. 21	R4. 11. 9	-	-	<20
216	TGC-04-178	館山市	館山市	小沼	館山市	NaI	R4. 10. 21	R4. 11. 9	-	-	<20
217	TGC-04-179	館山市	館山市	古茂口	館山市	NaI	R4. 10. 24	R4. 11. 9	-	-	<20
218	TGC-04-180	館山市	館山市	笠名	館山市	NaI	R4. 10. 25	R4. 11. 9	-	-	<20
219	TGC-04-181	館山市	館山市	大神宮	館山市	NaI	R4. 10. 25	R4. 11. 9	-	-	<20
220	TGC-04-182	館山市	館山市	犬石	館山市	NaI	R4. 10. 25	R4. 11. 9	-	-	<20
221	TGC-04-183	館山市	館山市	早物	館山市	NaI	R4. 10. 26	R4. 11. 9	-	-	<20
222	TGC-04-184	館山市	館山市	藤原	館山市	NaI	R4. 10. 26	R4. 11. 9	-	-	<20
223	TGC-04-185	館山市	館山市	竜岡	館山市	NaI	R4. 10. 27	R4. 11. 9	-	-	<20
224	館ジ-04-15	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R4. 11. 8	R4. 11. 9	-	-	<20
225	TWF-04-011	館山市	南房総市	大貫	館山市	NaI	R4. 11. 4	R4. 11. 14	-	-	<20
226	館ジ-04-16	館山市	南房総市	滝口	館山市	NaI	R4. 11. 12	R4. 11. 14	-	-	<20
227	TGC-04-186	館山市	館山市	山本	館山市	NaI	R4. 10. 27	R4. 11. 16	-	-	<20
228	TGC-04-187	館山市	館山市	坂井	館山市	NaI	R4. 11. 1	R4. 11. 16	-	-	<20
229	TGC-04-188	館山市	館山市	坂井	館山市	NaI	R4. 11. 1	R4. 11. 16	-	-	<20
230	TGC-04-189	館山市	館山市	東長田	館山市	NaI	R4. 11. 4	R4. 11. 16	-	-	<20
231	TGC-04-190	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R4. 11. 4	R4. 11. 16	-	-	<20

232	TGC-04-191	館山市	館山市	山本	館山市	NaI	R4. 11. 4	R4. 11. 16	-	-	<20
233	TGC-04-192	館山市	館山市	笠名	館山市	NaI	R4. 11. 4	R4. 11. 16	-	-	<20
234	TGC-04-193	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R4. 11. 4	R4. 11. 16	-	-	<20
235	TGC-04-194	館山市	館山市	早物	館山市	NaI	R4. 11. 5	R4. 11. 16	-	-	<20
236	TGC-04-195	館山市	館山市	竜岡	館山市	NaI	R4. 11. 5	R4. 11. 16	-	-	<20
237	TGC-04-196	館山市	館山市	大神宮	館山市	NaI	R4. 11. 8	R4. 11. 16	-	-	<20
238	TGC-04-197	館山市	館山市	山荻	館山市	NaI	R4. 11. 9	R4. 11. 22	-	-	<20
239	TGC-04-198	館山市	館山市	洲崎	館山市	NaI	R4. 11. 9	R4. 11. 22	-	-	<20
240	TGC-04-199	館山市	館山市	笠名	館山市	NaI	R4. 11. 10	R4. 11. 22	-	-	<20
241	TGC-04-200	館山市	館山市	早物	館山市	NaI	R4. 11. 11	R4. 11. 22	-	-	<20
242	TGC-04-201	館山市	館山市	茂名	館山市	NaI	R4. 11. 16	R4. 11. 29	-	-	<20
243	TGC-04-202	館山市	館山市	布良	館山市	NaI	R4. 11. 18	R4. 11. 29	-	-	<20
244	TGC-04-203	館山市	館山市	洲宮	館山市	NaI	R4. 11. 21	R4. 11. 29	-	-	<20
245	TGC-04-204	館山市	館山市	西長田	館山市	NaI	R4. 11. 21	R4. 11. 29	-	-	<20
246	TGC-04-205	館山市	館山市	山荻	館山市	NaI	R4. 11. 21	R4. 11. 29	-	-	<20
247	TGC-04-206	館山市	館山市	坂田	館山市	NaI	R4. 11. 22	R4. 12. 7	-	-	<20
248	TGC-04-207	館山市	館山市	布沼	館山市	NaI	R4. 11. 24	R4. 12. 7	-	-	<20
249	TGC-04-208	館山市	館山市	布沼	館山市	NaI	R4. 11. 24	R4. 12. 7	-	-	<20
250	TGC-04-209	館山市	館山市	笠名	館山市	NaI	R4. 11. 28	R4. 12. 7	-	-	<20
251	TGC-04-210	館山市	館山市	伊戸	館山市	NaI	R4. 11. 28	R4. 12. 7	-	-	<20
252	TGC-04-211	館山市	館山市	笠名	館山市	NaI	R4. 11. 28	R4. 12. 7	-	-	<20
253	TWF-04-012	館山市	南房総市	白間津	館山市	NaI	R4. 12. 3	R4. 12. 13	-	-	<20
254	TGC-04-212	館山市	館山市	茂名	館山市	NaI	R4. 11. 29	R4. 12. 13	-	-	<20
255	TGC-04-213	館山市	館山市	坂井	館山市	NaI	R4. 11. 29	R4. 12. 13	-	-	<20
256	TGC-04-214	館山市	館山市	正木	館山市	NaI	R4. 11. 30	R4. 12. 13	-	-	<20
257	TGC-04-215	館山市	館山市	坂井	館山市	NaI	R4. 12. 1	R4. 12. 13	-	-	<20

258	TGC-04-216	館山市	館山市	洲崎	館山市	NaI	R4. 12. 1	R4. 12. 13	-	-	<20
259	TGC-04-217	館山市	館山市	洲宮	館山市	NaI	R4. 12. 2	R4. 12. 13	-	-	<20
260	TGC-04-218	館山市	館山市	西川名	館山市	NaI	R4. 12. 5	R4. 12. 13	-	-	<20
261	館ジ-04-17	館山市	館山市	波左間	館山市	NaI	R4. 12. 15	R4. 12. 16	-	-	<20
262	TGC-04-219	館山市	館山市	見物	館山市	NaI	R4. 12. 5	R4. 12. 21	-	-	<20
263	TGC-04-220	館山市	館山市	大井	館山市	NaI	R4. 12. 5	R4. 12. 21	-	-	<20
264	TGC-04-221	館山市	館山市	笠名	館山市	NaI	R4. 12. 6	R4. 12. 21	-	-	<20
265	TGC-04-222	館山市	館山市	小沼	館山市	NaI	R4. 12. 7	R4. 12. 21	-	-	<20
266	TGC-04-223	館山市	館山市	大神宮	館山市	NaI	R4. 12. 12	R4. 12. 28	-	-	<20
267	TGC-04-224	館山市	館山市	東長田	館山市	NaI	R4. 12. 13	R4. 12. 28	-	-	<20
268	TGC-04-225	館山市	館山市	東長田	館山市	NaI	R4. 12. 14	R4. 12. 28	-	-	<20
269	TGC-04-226	館山市	館山市	坂井	館山市	NaI	R4. 12. 14	R4. 12. 28	-	-	<20
270	TGC-04-227	館山市	館山市	大井	館山市	NaI	R4. 12. 15	R4. 12. 28	-	-	<20
271	TGC-04-228	館山市	館山市	西川名	館山市	NaI	R4. 12. 20	R4. 12. 28	-	-	<20
272	TGC-04-229	館山市	館山市	笠名	館山市	NaI	R4. 12. 23	R4. 12. 28	-	-	<20
273	TGC-04-230	館山市	館山市	大井	館山市	NaI	R4. 12. 23	R4. 12. 28	-	-	<20
274	館ジ-04-18	館山市	館山市	小沼	館山市	NaI	R5. 1. 4	R5. 1. 4	-	-	<20
275	TWF-04-013	館山市	南房総市	白間津	館山市	NaI	R4. 12. 20	R5. 1. 4	-	-	<20
276	TGC-04-231	館山市	館山市	藤原	館山市	NaI	R4. 12. 30	R5. 1. 11	-	-	<20
277	TGC-04-232	館山市	館山市	布良	館山市	NaI	R4. 12. 30	R5. 1. 11	-	-	<20
278	TGC-04-233	館山市	館山市	布沼	館山市	NaI	R5. 1. 2	R5. 1. 11	-	-	<20
279	TGC-04-234	館山市	館山市	古茂口	館山市	NaI	R5. 1. 3	R5. 1. 18	-	-	<20
280	TGC-04-235	館山市	館山市	古茂口	館山市	NaI	R5. 1. 4	R5. 1. 18	-	-	<20
281	TGC-04-236	館山市	館山市	坂井	館山市	NaI	R5. 1. 5	R5. 1. 18	-	-	<20
282	TGC-04-237	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R5. 1. 6	R5. 1. 18	-	-	<20
283	TGC-04-238	館山市	館山市	布沼	館山市	NaI	R5. 1. 6	R5. 1. 18	-	-	<20

284	TGC-04-239	館山市	館山市	笠名	館山市	NaI	R5. 1. 10	R5. 1. 18	-	-	<20
285	館ジ-04-19	館山市	館山市	布沼	館山市	NaI	R5. 1. 19	R5. 1. 20	-	-	<20
286	館ジ-04-20	館山市	館山市	洲崎	館山市	NaI	R5. 1. 23	R5. 1. 23	-	-	<20
287	TGC-04-240	館山市	館山市	東長田	館山市	NaI	R5. 1. 10	R5. 1. 24	-	-	<20
288	TGC-04-241	館山市	館山市	布沼	館山市	NaI	R5. 1. 12	R5. 1. 24	-	-	<20
289	TGC-04-242	館山市	館山市	笠名	館山市	NaI	R5. 1. 13	R5. 1. 24	-	-	<20
290	TGC-04-243	館山市	館山市	藤原	館山市	NaI	R5. 1. 13	R5. 1. 24	-	-	<20
291	TWF-04-014	館山市	南房総市	川戸	館山市	NaI	R5. 1. 17	R5. 1. 26	-	-	<20
292	TGC-04-244	館山市	館山市	洲崎	館山市	NaI	R5. 1. 16	R5. 2. 1	-	-	<20
293	TGC-04-245	館山市	館山市	正木	館山市	NaI	R5. 1. 17	R5. 2. 1	-	-	<20
294	TGC-04-246	館山市	館山市	正木	館山市	NaI	R5. 1. 17	R5. 2. 1	-	-	<20
295	TGC-04-247	館山市	館山市	宝贝	館山市	NaI	R5. 1. 20	R5. 2. 1	-	-	<20
296	TGC-04-248	館山市	館山市	正木	館山市	NaI	R5. 1. 20	R5. 2. 1	-	-	<20
297	TGC-04-249	館山市	館山市	坂田	館山市	NaI	R5. 1. 23	R5. 2. 1	-	-	<20
298	TGC-04-250	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R5. 1. 24	R5. 2. 1	-	-	<20
299	TGC-04-251	館山市	館山市	上真倉	館山市	NaI	R5. 1. 24	R5. 2. 1	-	-	<20
300	TWF-04-015	館山市	南房総市	大貫	館山市	NaI	R5. 1. 31	R5. 2. 7	-	-	<20
301	TGC-04-252	館山市	館山市	布沼	館山市	NaI	R5. 1. 24	R5. 2. 7	-	-	<20
302	TGC-04-253	館山市	館山市	竹原	館山市	NaI	R5. 1. 27	R5. 2. 7	-	-	<20
303	TGC-04-254	館山市	館山市	笠名	館山市	NaI	R5. 1. 30	R5. 2. 7	-	-	<20
304	TGC-04-255	館山市	館山市	西長田	館山市	NaI	R5. 1. 30	R5. 2. 7	-	-	<20
305	TGC-04-256	館山市	館山市	山荻	館山市	NaI	R5. 1. 30	R5. 2. 7	-	-	<20
306	TGC-04-257	館山市	館山市	山荻	館山市	NaI	R5. 1. 30	R5. 2. 7	-	-	<20
307	TGC-04-258	館山市	館山市	山荻	館山市	NaI	R5. 1. 30	R5. 2. 15	-	-	<20
308	TGC-04-259	館山市	館山市	山荻	館山市	NaI	R5. 1. 30	R5. 2. 15	-	-	<20
309	TGC-04-260	館山市	館山市	山本	館山市	NaI	R5. 1. 31	R5. 2. 15	-	-	<20

310	TGC-04-261	館山市	館山市	布沼	館山市	NaI	R5. 2. 1	R5. 2. 15	-	-	<20
311	TGC-04-262	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R5. 2. 2	R5. 2. 15	-	-	<20
312	TGC-04-263	館山市	館山市	藤原	館山市	NaI	R5. 2. 2	R5. 2. 15	-	-	<20
313	TGC-04-264	館山市	館山市	笠名	館山市	NaI	R5. 2. 3	R5. 2. 15	-	-	<20
314	TGC-04-265	館山市	館山市	坂井	館山市	NaI	R5. 2. 3	R5. 2. 15	-	-	<20
315	館ジ-04-21	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R5. 2. 19	R5. 2. 20	-	-	<20
316	TGC-04-266	館山市	館山市	正木	館山市	NaI	R5. 2. 3	R5. 2. 22	-	-	<20
317	TGC-04-267	館山市	館山市	竜岡	館山市	NaI	R5. 2. 6	R5. 2. 22	-	-	<20
318	TGC-04-268	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R5. 2. 6	R5. 2. 22	-	-	<20
319	TGC-04-269	館山市	館山市	坂田	館山市	NaI	R5. 2. 8	R5. 2. 22	-	-	<20
320	TGC-04-270	館山市	館山市	坂井	館山市	NaI	R5. 2. 9	R5. 2. 22	-	-	<20
321	TGC-04-271	館山市	館山市	塩見	館山市	NaI	R5. 2. 9	R5. 2. 22	-	-	<20
322	TGC-04-272	館山市	館山市	浜田	館山市	NaI	R5. 2. 9	R5. 2. 22	-	-	<20
323	TGC-04-273	館山市	館山市	布沼	館山市	NaI	R5. 2. 10	R5. 3. 2	-	-	<20
324	TGC-04-274	館山市	館山市	大井	館山市	NaI	R5. 2. 10	R5. 3. 2	-	-	<20
325	TGC-04-275	館山市	館山市	宝貝	館山市	NaI	R5. 2. 13	R5. 3. 2	-	-	<20
326	TGC-04-276	館山市	館山市	笠名	館山市	NaI	R5. 2. 14	R5. 3. 2	-	-	<20
327	TGC-04-277	館山市	館山市	大神宮	館山市	NaI	R5. 2. 16	R5. 3. 2	-	-	<20
328	TGC-04-278	館山市	館山市	中里	館山市	NaI	R5. 2. 17	R5. 3. 2	-	-	<20
329	TGC-04-279	館山市	館山市	西長田	館山市	NaI	R5. 2. 20	R5. 3. 2	-	-	<20
330	TGC-04-280	館山市	館山市	藤原	館山市	NaI	R5. 2. 21	R5. 3. 2	-	-	<20
331	TGC-04-281	館山市	館山市	神余	館山市	NaI	R5. 2. 21	R5. 3. 2	-	-	<20
332	TGC-04-282	館山市	館山市	笠名	館山市	NaI	R5. 2. 21	R5. 3. 2	-	-	<20
333	TGC-04-283	館山市	館山市	大神宮	館山市	NaI	R5. 2. 21	R5. 3. 7	-	-	<20
334	TGC-04-284	館山市	館山市	安布里	館山市	NaI	R5. 2. 27	R5. 3. 7	-	-	<20
335	TGC-04-285	館山市	館山市	小沼	館山市	NaI	R5. 2. 27	R5. 3. 7	-	-	<20

336	TWF-04-016	館山市	南房総市	根本	館山市	NaI	R5. 2. 25	R5. 3. 13	-	-	<20
337	TWF-04-017	館山市	南房総市	根本	館山市	NaI	R5. 2. 25	R5. 3. 13	-	-	<20
338	TWF-04-018	館山市	南房総市	南朝夷	館山市	NaI	R5. 2. 27	R5. 3. 13	-	-	<20
339	TGC-04-286	館山市	館山市	茂名	館山市	NaI	R5. 2. 28	R5. 3. 15	-	-	<20
340	TGC-04-287	館山市	館山市	大神宮	館山市	NaI	R5. 2. 28	R5. 3. 15	-	-	<20
341	TGC-04-288	館山市	館山市	布沼	館山市	NaI	R5. 3. 2	R5. 3. 15	-	-	<20
342	TGC-04-289	館山市	館山市	大神宮	館山市	NaI	R5. 3. 2	R5. 3. 15	-	-	<20
343	TGC-04-290	館山市	館山市	洲崎	館山市	NaI	R5. 3. 3	R5. 3. 15	-	-	<20
344	TGC-04-291	館山市	館山市	古茂口	館山市	NaI	R5. 3. 3	R5. 3. 15	-	-	<20
345	TGC-04-292	館山市	館山市	大神宮	館山市	NaI	R5. 3. 6	R5. 3. 15	-	-	<20
346	館ジ-04-22	館山市	館山市	南条	館山市	NaI	R5. 3. 18	R5. 3. 20	-	-	<20
347	TGC-04-293	館山市	館山市	山荻	館山市	NaI	R5. 3. 6	R5. 3. 23	-	-	<20
348	TGC-04-294	館山市	館山市	上真倉	館山市	NaI	R5. 3. 6	R5. 3. 23	-	-	<20
349	TGC-04-295	館山市	館山市	山本	館山市	NaI	R5. 3. 8	R5. 3. 28	-	-	<20
350	TGC-04-296	館山市	館山市	山荻	館山市	NaI	R5. 3. 14	R5. 3. 28	-	-	<20
351	TGC-04-297	館山市	館山市	伊戸	館山市	NaI	R5. 3. 15	R5. 3. 28	-	-	<20
352	TGC-04-298	館山市	館山市	東長田	館山市	NaI	R5. 3. 16	R5. 3. 28	-	-	<20
353	TGC-04-299	館山市	館山市	坂井	館山市	NaI	R5. 3. 16	R5. 3. 28	-	-	<20
354	TGC-04-300	館山市	館山市	西長田	館山市	NaI	R5. 3. 20	R5. 3. 28	-	-	<20